

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 386/2021/KDTM-PT
Ngày: 22/4/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong

Các Thẩm phán:

Ông Lê Công Toại

Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Linh Sương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2020/TLPT- KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 03/2020/QĐ-SCBSBA ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 558/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 2474/2021/QĐ-PT ngày 31/3/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quảng cáo T.

Địa chỉ: Số 830/6 Sư Vạn H, Phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Văn Đ, là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 04/9/2018 (có mặt).

Bị đơn: Tập đoàn B

Địa chỉ: Số 57 Huỳnh Thúc K, phường Láng Hạ, quận Đ, thành phố H.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Võ Kim T, là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 09/11/2020 (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH Thời trang V

Địa chỉ: Số 3 đường số 3 khu Cityland Riverside đường Nguyễn Thị T, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hoàng H, là đại diện theo ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/10/2019 (vắng mặt).

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển D

Địa chỉ: Số 270 Lý Thường K, Phường 14, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt)

3. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại M

Địa chỉ: Số 21 Cách Mạng Tháng T, phường Bến Thành, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt)

Người kháng cáo: Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Quảng cáo T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/6/2018 của nguyên đơn là Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quảng cáo T và lời trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Vũ Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Ngày 06/8/2012, nguyên đơn là Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Quảng cáo T (sau đây viết tắt là Công ty T) và Công ty Điện thoại Tây Thành phố ký kết Hợp đồng kinh tế số 04-12/HĐ-KDTM (gọi tắt là hợp đồng số 04) về việc thuê vị trí lắp đặt trụ quảng cáo ngoài trời tại địa chỉ số 270B Lý Thường K, Phường 14, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn thuê 60 tháng, số tiền thuê 315.000.000 đồng/năm. Phía nguyên đơn đã thanh toán số tiền thuê nêu trên thành 03 đợt:

Đợt 01: Ngày 16/8/2012 thanh toán 78.750.000 đồng,

Đợt 02: Ngày 21/11/2012 thanh toán 78.750.000 đồng

Đợt 03: Ngày 29/10/2013 thanh toán 157.500.000 đồng.

Căn cứ khoản 2.2 Điều 2 của Hợp đồng số 04, phía bị đơn chưa bàn giao mặt bằng cho nguyên đơn và sự kiện bất khả kháng được quy định tại Điều 9 của hợp đồng là có sự thay đổi chính sách nhà nước cụ thể chưa có văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quảng cáo năm 2012, vì vậy, nguyên đơn có văn bản ngày 26/12/2013 gửi Công ty Điện thoại Tây Thành phố về việc đề nghị gia hạn hợp đồng đến ngày 31/3/2014 và văn bản ngày 04/4/2014 tiếp tục đề nghị gia hạn thời hạn thực hiện hợp đồng đến ngày 30/6/2014.

Ngày 17/4/2014, Công ty điện thoại Tây Thành phố có văn bản trả lời đồng ý gia hạn hợp đồng đến ngày 31/5/2014. Quá thời hạn nêu trên hai bên có làm việc với nhau về gia hạn hợp đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý, trường hợp thanh lý hợp đồng bị đơn chỉ thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền đã nhận của nguyên đơn là 157.500.000 đồng.

Ngày 10/3/2017, hai bên có làm việc với nhau nhưng không thống nhất được cách xử lý.

Bên cạnh đó, do tin tưởng hợp đồng số 04 được thực hiện nên ngày 24/02/2017 nguyên đơn đã ký hợp đồng số 03/ĐTTT-TP 2017 (gọi tắt là hợp đồng số 03) với Công ty TNHH Thời trang V(gọi tắt là Công ty V) về việc thuê pano quảng cáo tại vị trí đã thuê của bị đơn, thời hạn thuê 36 tháng được tính từ ngày 24/02/2017 đến ngày 24/02/2020 với số tiền 1.440.000.000 đồng. Thanh toán làm 03 đợt:

Đợt 01: 700.000.000 đồng thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ khi nguyên đơn được cơ quan có thẩm quyền cấp phép quảng cáo cho vị trí này.

Đợt 02: 700.000.000 đồng thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ khi nguyên đơn thực hiện xong pano quảng cáo và đưa vào sử dụng.

Đợt 03: 40.000.000 đồng thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ khi hết thời hạn bảo hành là 12 tháng.

Do nguyên đơn chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép quảng cáo cho vị trí này nên Công ty V chưa thanh toán đợt 01. Ngày 29/5/2017, Công ty V gửi thông báo cho nguyên đơn về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng và đề nghị nguyên đơn phải chịu mức phạt 8%/ tổng giá trị hợp đồng. Cụ thể số tiền phạt vi phạm là 115.200.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền thiệt hại mà lẽ ra nguyên đơn được hưởng tổng cộng là 1.550.200.000 đồng (bao gồm tiền thiệt hại của hợp đồng 1.440.000.000 đồng và tiền phạt vi phạm 115.200.000 đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm: Công ty T thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng kinh tế số 04-12/HĐ-KDTM về việc thuê vị trí lắp đặt trụ quảng cáo ngoài trời tại địa chỉ số 270B Lý Thường K, Phường 14, Quận A,

Thành phố Hồ Chí Minh giữa Công ty T và Công ty Điện thoại Tây Thành phố do hợp đồng vô hiệu. Các nguyên nhân dẫn đến hợp đồng vô hiệu là:

- Nội dung Công văn số 6024/BTC-QLCS ngày 14/5/2013 của Bộ Tài Chính về việc phê duyệt phương án xử lý nhà, đất của Tập đoàn B trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy nhà đất tại lô B1 là đất chưa được hoàn thiện thủ tục pháp lý về đất đai theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất nên vào thời điểm ký Hợp đồng số 04-12/HĐ-KDTM, Tập đoàn B (viết tắt là Tập đoàn BCVTVN) vẫn chưa có quyền sử dụng đất theo hình thức “*Tổ chức kinh tế được giao đất có thu tiền sử dụng đất*” đối với lô B1, theo như qui định tại Điều 34 Luật Đất đai 2003. Việc Tập đoàn B ký hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất là hành vi lừa dối khách hàng trong kinh doanh và giao dịch dân sự, đồng thời vi phạm nghiêm trọng Điều 106 Luật Đất đai 2003.

- Căn cứ vào Quyết định số 6708/QĐ-UB-QLĐT ngày 14/12/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là UBND TP.HCM); căn cứ Hợp đồng thuê đất ngày 14/01/1997 giữa Sở Địa chính Thành phố Hồ Chí Minh với Bưu điện Thành phố; Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-VNPT-HĐTV-TCKT-ĐTPT ngày 29/11/2013 của Tập đoàn B thì đơn vị được quyền ký hợp đồng cho Công ty T thuê đất phải là Bưu điện Thành phố chứ không phải là Công ty Điện thoại Tây Thành phố. Vì cho đến thời điểm ngày 06/8/2012 vẫn chưa diễn ra việc chia tách bàn giao tài sản giữa VNPT và VNPost, việc chia tách bàn giao tài sản này chỉ diễn ra sau ngày 26/4/2013 và ngày 02/7/2013 theo nội dung của Quyết định số 193/QĐ-VNPT-HĐTV-TCKT-ĐTPT ngày 29/11/2013 của VNPT.

- Căn cứ Điều 1.3 của Hợp đồng thuê đất ngày 14/01/1997 giữa Sở Địa chính Thành phố Hồ Chí Minh và Bưu điện Thành phố có nội dung: “*Thời hạn thuê đất là 5 năm kể từ ngày 01/01/1996*”. Như vậy, hợp đồng này đã đương nhiên hết hiệu lực vào ngày 02/01/2001 theo qui định tại Điều 3.4 của hợp đồng, nếu không được gia hạn và hiện tại vẫn chưa có một quyết định gia hạn nào của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Do không thực hiện được Hợp đồng số 04-12/HĐ-KDTM đã ký với Công ty Điện thoại Tây Thành Phố, nên Công ty T cũng không thể thực hiện được Hợp đồng số 03/ĐTTT-TP2017 với Công ty V. Dẫn đến việc Công ty T bị thất thu số tiền lẽ ra phải thu được từ Hợp đồng số 03/ĐTTT-TP2017 là 1.440.000.000 đồng. Đây được xem là “*khoản lợi trực tiếp*” mà Công ty T đáng lẽ được hưởng nếu phía Tập đoàn Viễn thông Việt Nam tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 04. Đây được xem là “*tổn thất thực tế, trực tiếp*” mà Công ty T phải chịu khi Tập đoàn Viễn thông Việt Nam không tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 04.

Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Tập đoàn B phải hoàn trả lại cho nguyên đơn tổng số tiền là 2.021.400.000 (hai tỷ không trăm hai mươi một triệu bốn trăm nghìn) đồng. Cụ thể:

- Tiền nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn để thực hiện hợp đồng 04: 315.000.000 đồng (ba trăm mười lăm triệu).

- Tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 01/6/2014 đến ngày 22/10/2019 (tổng cộng 64 tháng) với lãi suất 0.75%/tháng: $315.000.000 \times 0,75\% \times 64 = 151.200.000$ đồng (một trăm năm mươi một triệu hai trăm nghìn).

- Bồi thường thiệt hại mà lẽ ra nguyên đơn được hưởng tổng cộng là 1.555.200.000 (một tỷ năm trăm năm mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng, gồm tiền thiệt hại của hợp đồng 1.440.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu) và tiền phạt vi phạm 115.200.000 đồng (một trăm mười lăm triệu hai trăm nghìn).

Bị đơn là Tập đoàn B có bà Võ Kim T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Tập đoàn B có ký hợp đồng quảng cáo số 04 với Công ty T và đã nhận đủ số tiền thuê 01 năm là 315.000.000 đồng như đại diện Công ty T trình bày.

Tại thời điểm ký hợp đồng, Tập đoàn B có quyền sử dụng đất dưới hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất tại địa chỉ 270B Lý Thường K, Phường 14, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh được thể hiện tại Quyết định số 6708/QĐ-UB-QLĐT ngày 14/12/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, mục II Công văn 6024/BTC-QLCS ngày 14/5/2013 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc không thực hiện được hợp đồng là do lỗi của nguyên đơn không xin được giấy phép quảng cáo.

Tại phiên tòa, Tập đoàn B không đồng ý yêu cầu khởi kiện tuyên hủy hợp đồng quảng cáo số 04-12/HĐ-KDTM do hợp đồng vô hiệu, bị đơn không đồng ý bồi thường bất cứ khoản thiệt hại nào mà nguyên đơn yêu cầu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH Thời trang V có ông Nguyễn Hoàng H là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 24/02/2017, Công ty V có ký kết Hợp đồng quảng cáo số 03 với Công ty T, hai bên thỏa thuận Công ty T thực hiện 210 m² pano quảng cáo cho Công ty V trên khu đất tọa lạc tại địa chỉ số 270B Lý Thường K, Phường 14, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị thực hiện là 1.440.000.000 đồng, thanh toán làm 03 đợt, thời gian thực hiện là 90 ngày (từ ngày 24/02/2017 đến 24/5/2017), thời hạn của hợp đồng là 36 tháng (từ ngày 24/02/2017 đến 24/5/2017), phạt vi phạm 8%/giá trị vi phạm, tiền lãi chậm thanh toán là

1%/tháng. Tuy nhiên, đã hết thời hạn thỏa thuận 90 ngày nhưng Công ty T vẫn chưa thực hiện được pano quảng cáo nên Công ty V đã gửi thông báo chấm dứt hợp đồng và yêu cầu Công ty T thực hiện nghĩa vụ thanh toán phạt vi phạm là 115.200.000 đồng. Công ty V không truy cứu đối với khoản thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của Công ty T.

Ngày 15/10/2019, Công ty V nộp đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án buộc Công ty T thanh toán cho công ty V số tiền 115.200.000 đồng là tiền phạt do vi phạm hợp đồng. Tại phiên tòa, Công ty V vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập.

- Chi nhánh Tập đoàn B - Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh có bà Võ Kim T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Đồng ý với trình bày của bị đơn, không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê vị trí quảng cáo ngoài trời số 04-12 và cũng không bồi thường bất cứ khoản thiệt hại nào do nguyên đơn yêu cầu.

- Ban Quản lý dự án Tây Thành phố trình bày tại bản tự khai:

Ngày 06/8/2012, Công ty Điện thoại Tây Thành phố có ký hợp đồng thuê vị trí quảng cáo ngoài trời với công ty T. Tổng giá trị hợp đồng là 315.000.000 đồng, đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Tuy nhiên, do nguyên đơn không xin được giấy phép quảng cáo, vi phạm hợp đồng nên Ban Quản lý dự án Tây Thành phố không đồng ý hoàn trả số tiền 315.000.000 đồng cho nguyên đơn.

- Trung tâm Viễn thông Tân Bình trình bày tại bản tự khai:

Ngày 06/8/2012, Công ty Điện thoại Tây Thành phố có ký hợp đồng thuê vị trí quảng cáo ngoài trời với Công ty T. Tổng giá trị hợp đồng là 315.000.000 đồng, đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Tuy nhiên, nguyên đơn không xin được giấy phép quảng cáo. Trên tinh thần thiện chí và hợp tác, trung tâm đã hỗ trợ gia hạn hợp đồng cho nguyên đơn rất nhiều lần nhưng nguyên đơn vẫn không xin được giấy phép. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Trung tâm Viễn thông Tân Bình không đồng ý hoàn trả bất cứ khoản tiền nào.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển D (gọi tắt là Công ty D) trình bày tại bản tự khai:

Ngày 03/12/2015, Công ty D có ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05/HĐHTKD-2015 (gọi tắt là hợp đồng số 05) với chi nhánh Tập đoàn B – Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh. Đối tượng của hợp đồng số 05 là 500 m² mặt bằng tọa lạc tại địa chỉ 270 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với tranh chấp giữa Công ty T và Tập đoàn B, chúng tôi không liên quan đến Công ty D nên xin được vắng mặt tại các buổi hòa giải, công khai chứng cứ, xét xử.

- Công ty TNHH SX TM M (gọi tắt là Công ty M) trình bày:

Công ty M và Công ty D có ký hợp đồng hợp tác khai thác vào ngày 01/11/2016. Theo đó, Công ty M sử dụng một phần mặt bằng tài địa chỉ 270 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh xe máy Yamaha. Do đó, tranh chấp giữa Công ty T và Tập đoàn Bưu chính Viễn thông không liên quan đến Công ty D nên xin được vắng mặt tại các buổi hòa giải, công khai chứng cứ, xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 03/2020/QĐ-SCBSBA ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quảng cáo T.

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quảng cáo T phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận.

- Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Nhưng được trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0014931 ngày 06/8/2020. Công ty T đã nộp đủ án phí.

- Về yêu cầu trả tiền của hợp đồng 04-12/HĐ-KDTM và tiền lãi là 22.648.000 (hai mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn) đồng. Nhưng được trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0040242 ngày 28/12/2017. Công ty T phải nộp thêm số tiền là 11.442.125 đồng.

- Về bồi thường thiệt hại: 58.656.000 (năm mươi tám triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn) đồng. Nhưng được trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0016004 ngày 02/7/2018. Công ty T phải nộp thêm số tiền là 29.328.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 13 /10 /2020, Công ty T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là Công ty T có ông Vũ Văn Đ là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo Biên bản ghi nhận sự việc ngày 15/4/2021, đại diện hợp pháp của Công ty T và Tập đoàn B đã thỏa thuận là Tập đoàn B hoàn trả cho Công ty T số tiền 157.500.000 đồng (50% số tiền đã nhận của Hợp đồng kinh tế số 04-12/HĐ-KDTM ngày 06/12/2017). Do vậy, tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty T yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự.

Ngoài ra, Công ty T không có ý kiến kháng cáo nào khác.

Về án phí: Yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn là Tập đoàn B có bà Võ Thị T là là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Điện thoại Tây Thành phố được thành lập ngày 21/01/2008, là đơn vị trực thuộc Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 787/QĐ-TCCB ngày 21/01/2008 và được giải thể theo Quyết định số 1417/QĐ-VNPT-TCCB ngày 26/8/2014 của Tập Đoàn Bưu chính Viễn thông,

Hợp đồng 04-12/HĐ-KDTM do Công ty Điện thoại Tây Thành phố ký kết với Công ty T được chuyển giao Ban Quản lý dự án Tây Thành phố - Chi nhánh Tập đoàn B – Viễn Thông Thành phố Hồ Chí Minh.

Ban Quản lý dự án Tây Thành phố - Chi nhánh Tập đoàn B - Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh; Trung tâm Viễn thông Tân Bình - Chi nhánh Tập đoàn B - Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh là địa điểm kinh doanh hoạt động theo ủy quyền của Chi nhánh Tập đoàn B - Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Tập đoàn B - Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị kinh tế trực thuộc Tập đoàn B.

Đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty T, Tập đoàn B đồng ý hoàn trả lại cho Công ty T 50% số tiền đã nhận từ Hợp đồng kinh tế số 04-12/HĐ-KDTM ngày 06/12/2017, tương đương 157.500.000đồng. Về án phí: Yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Phản quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH Thời trang V có ông Nguyễn Hoàng H đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

2. Công ty CP Đầu tư Phát triển D (có đơn xin vắng mặt).

3. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại M (có đơn xin vắng mặt).

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán tại giai đoạn phúc thẩm: Tòa án nhân dân Thành phố thụ lý đúng thẩm quyền, thực hiện đúng về thời hạn

chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 286 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; cấp, tổng đạt văn bản tố tụng và gửi hồ sơ theo đúng quy định pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 và 73 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung kháng cáo: Xét thấy, nội dung thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận tại Biên bản ngày 15/4/2021 và tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Khoản 1 Điều 300 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa Bản án sơ thẩm số 71/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận A và đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn và thủ tục kháng cáo của đương sự hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Xét thấy, Ban Quản lý dự án Tây Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tập đoàn B - Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh; Trung tâm Viễn thông Tân Bình - Chi nhánh Tập đoàn B - Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh và Chi nhánh Tập đoàn B - Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh là các đơn vị trực thuộc Tập đoàn B nên Tập đoàn B là pháp nhân có quyền, nghĩa vụ dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự do các đơn vị trực thuộc nêu trên xác lập và thực hiện theo quy định tại Điều 84 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 45 Luật Doanh nghiệp năm 2014 (Điều 44 Luật Doanh nghiệp năm 2020). Do vậy, không cần đưa các đơn vị trực thuộc nêu trên tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tòa án cấp sơ thẩm đưa Ban Quản lý dự án Tây Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tập đoàn B - Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh; Trung tâm Viễn thông Tân Bình - Chi nhánh Tập đoàn B - Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh và Chi nhánh Tập đoàn B - Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh tham gia với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan là không phù hợp quy định pháp luật nêu trên.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển D; Công ty TNHH Sản xuất thương mại M đã có đơn xin vắng mặt; Công ty TNHH Thời trang V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty T, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty T và Tập đoàn B tự nguyện thỏa thuận như sau: Tập đoàn B đồng ý hoàn trả cho Công ty T số tiền đã nhận từ Hợp đồng kinh tế số 04-12/HĐ-KDTM ngày 06/12/2017 là 157.500.000 đồng.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận phần thỏa thuận nêu trên của các đương sự như ý kiến của các đương sự và đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Phản quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự chịu án phí theo quy định Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên Công ty TNHH T không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 39; Điều 147; Điều 148; Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 121, Điều 122, Điều 123 Bộ Luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm b Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận A như sau:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Quảng cáo T có người đại diện hợp pháp ông là Vũ Văn Đ và Tập đoàn B có người đại diện hợp pháp là bà Võ Kim T như sau: Công ty Tập đoàn B đồng ý hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quảng cáo T số tiền 157.500.000đồng (một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng) số tiền đã nhận từ Hợp đồng kinh tế số 04–12/HĐ–KDTM ngày 06/12/2017).

Phản quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quảng cáo T cho đến khi thi hành án xong, Tập đoàn B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

- Án phí sơ thẩm về kinh doanh thương mại:

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quảng cáo T phải chịu án phí sơ thẩm:

Án phí về yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu là 300.000đồng và án phí về yêu cầu bồi thường thiệt hại là 58.656.000đồng nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0014931 ngày 06/8/2020, số tiền 29.328.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0016004 ngày 02/7/2018 và số tiền 11.205.875 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0040242 ngày 28/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quảng cáo T còn phải nộp 18.122.125đồng (Mười tám triệu một trăm hai mươi hai ngàn một trăm hai mươi lăm đồng) án phí sơ thẩm.

Tập đoàn B phải chịu án phí sơ thẩm là 7.875.000đồng (Bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

- Án phí phúc thẩm về kinh doanh thương mại:

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quảng cáo T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quảng cáo T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000đồng theo biên lai số AA/2019/0049606 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6; Điều 7; 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận A;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phong